TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 256/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 11 – 2017
V/việc Kg công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyện.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm
Ông Bùi Đức Thắng

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Đát – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 787/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 796/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1982
Địa chỉ: 52, đường T, khóm N, phường M, Tp C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)
-***Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981;
Địa chỉ: 52, đường T, khóm N, phường M, Tp C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D có tổ chức cưới gã với nhau theo phong tục tập quán vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không hạnh phúc nên chị yêu cầu chấm dứt hôn nhân với anh D.

Ý kiến của anh D: Về điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh D xác định có 01 con tên Nguyễn Thái Càn K, sinh ngày 18/02/2004, hiện đang sống cùng với anh, chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T, anh D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T, anh D xác định không có.

Anh D xin không tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; anh D là bị đơn có nơi cứ trú tại Khóm N, phường M, Tp.C nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, riêng anh D có ý kiến xin không tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử.

[2] Nhận định về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh D mặc dù có tổ chức cưới gã theo phong tục tập quán từ năm 2003, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký theo luật định nên hôn nhân của anh, chị là không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay anh, chị đã đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét mâu thuẫn thực tế và sự thỏa thuận của các đương sự trên tinh thần tự nguyện, theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, quan hệ của chị T và anh D không được công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Chị T, anh D xác định có 01 con tên Nguyễn Thái Càn K, sinh ngày 18/02/2004, hiện đang sống cùng với anh, chị. Khi ly hôn, chị T, anh D thỏa thuận thống nhất giao cháu Khôn cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét về sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi con phù hợp với luật định nên được chấp nhận; Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: do các đương sự không đặt ra yêu cầu và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T, anh D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T, anh D xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ của chị Nguyễn Hồng T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái Càn K, sinh ngày 18/02/2004, cho chị Nguyễn Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T, anh D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T, anh D xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: chị T nộp 300.000đ. Vào ngày 06 tháng 10 năm 2017 chị T đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0003764 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Diệp Chí Nguyện